

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 25- 7- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Thanh Hải;

2- Bà Đào Thị Thu Đoàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Duy Hoàng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16A/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/QĐST- HNGĐ ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị V**, sinh năm 1980.

Căn cước công dân số: 051180002372.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1976.

Căn cước công dân số: 051076011220.

Đều có địa chỉ: **Xóm M, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.**

Chị **Phan Thị V** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Phạm Văn T** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30- 11- 2023, trong quá trình giải quyết vụ án chị **Phan Thị V** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Văn T** có đăng ký kết hôn vào 27/12/2006 tại **UBND xã B, huyện B** (hiện nay bản đăng ký kết hôn gốc đã thất lạc, chỉ còn bản sao trích lục kết hôn). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc từ đó đến tháng 08 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh **Phạm Văn T** không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Hiện nay chị **V** và anh **T** đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn ai quan tâm đến ai.

Nay, chị **V** thấy cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm giữa Chị với anh **Phạm Văn T** không còn. Chị **V** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh giải quyết cho Chị được ly hôn anh **Phạm Văn T** để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 người con chung

1. **Phạm Đăng H**, sinh ngày 25/04/2006;
2. **Phạm Đăng H1**, sinh ngày 26/09/2008;

Khi ly hôn chị **V** yêu cầu được trực tiếp nuôi con **Phạm Đăng H1**, sinh ngày 26/09/2008 không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng cho con, còn con **Phạm Đăng H**, sinh ngày 25/04/2006 đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe nên chị **V** không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị **V** trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **V** trình bày không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Phạm Văn T** không đến Tòa án cũng không có văn bản bản trình bày ý kiến của mình.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị **Phan Thị V** với anh **Phạm Văn T**.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **V**. Giao cho chị **Phan Thị V** được trực tiếp nuôi dưỡng con **Phạm Đăng H1**, sinh ngày 26/09/2008, anh **T** không cấp dưỡng cho con; còn con **Phạm Đăng H**, sinh ngày 25/04/2006 đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Chị **Phan Thị V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên đơn chị **V** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh **T** được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị **V** và anh **T** tự tìm hiểu rồi kết hôn vào ngày 27/12/2006 tại **UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị **V** có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **Phan Thị V**, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **V** và anh **T** sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay vợ chồng đã ly thân, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhiều lần để giải quyết, nhưng anh **T** vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân giữa chị **V** với **A**, chứng tỏ anh **T** không tha thiết gì đối với cuộc sống chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **V** là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy chị **V** và anh **T** có 02 con chung là con **Phạm Đăng H1**, sinh ngày 26/9/2008 và **Phạm Đăng H**, sinh ngày 25/4/2006, hiện chị **V** đang nuôi dưỡng. Khi Ly hôn con **Phạm Đăng H** đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe; giao con **Phạm Đăng H1** cho chị **Phan Thị V** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không cấp dưỡng cho con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84

của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị **V** không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **V** khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị **Phan Thị V** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn theo quy định.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị V** đối với anh **Phạm Văn T**.

1. Về hôn nhân: Chị **Phan Thị V** được ly hôn với anh **Phạm Văn T**.

2. Về con chung: Giao con **Phạm Đăng H1**, sinh ngày 26/09/2008 cho chị **Phan Thị V** được tiếp tục trực tiếp nuôi con. Anh **Phạm Văn T** không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị **V** trình bày không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **V** trình bày không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Phan Thị V** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000

đồng theo biên lai thu số 0000546 ngày 08-12-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Chị **Phan Thị V** đã nộp đủ án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Trọng Ký

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải - Đào Thị Thu Đoàn

Thượng Trọng Ký